TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **16**/2020/KDTM-PT
Ngày: 20/3/2020.
V/v: tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Minh Thành
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Bà Ngô Tuyết Băng
Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Thị Giang- Thư ký Toà án.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:
Bà Đỗ Tuyết Nhung -Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 01/2020/KTPT ngày 03/01/2020 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2020/QĐXX-PT ngày 12/2/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2020/QĐ-HPT ngày 03/3/2020 giữa:

* *Nguyên đơn:* Công ty cổ phần T ;
Trụ sở: Tòa nhà Simco đường P , phường M 1, quận N , thành phố Hà Nội;
Đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Thị Thanh T , chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc;
Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Hồng Q , sinh năm 1995, có địa chỉ liên lạc tại: tầng 25, Tòa nhà ICON4, số 243A Đê , phường L , quận Đ , Hà Nội.

Ông Q có mặt.

* *Bị đơn* Công ty cổ phần P
Trụ sở: số 61, ngõ 25 V , phường L , quận Đ , thành phố Hà Nội.
Người đại diện theo pháp luật: ông Mai Xuân Đ, chức vụ: Chủ tịch HĐQT, có HKTT và chỗ ở tại: P403 - C10, tập thể N , phố V , phường L , quận Đ a, Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Bản án sơ thẩm, vụ án có nội dung như sau:

Công ty cổ phần T (sau đây gọi là Công ty T) và Công ty cổ phần P (sau đây gọi tắt là Công ty P) ký kết Hợp đồng kinh tế số 40.2015-SIMCO ngày 10/8/2015 mua bán thép xây dựng (thép tròn trơn và thép tròn đốt có đường kính D6MM-

D8MM, D10MM-D40MM theo tiêu chuẩn TCVN1651:2018; thép hình, tấm, lá, ống loại tiêu chuẩn SS400 hoặc tương đương giữa bên bán (bên A) Công ty T - đại diện là bà Nguyễn Thị Thanh T , chức vụ: Tổng Giám đốc với bên mua (bên B) Công ty P do ông Nguyễn Xuân Tr là Giám đốc đại diện.

Nội dung hợp đồng: Về đơn giá của từng mặt hàng được thỏa thuận cụ thể và được hai bên chấp thuận cho từng đề nghị cấp hàng tùy thuộc vào từng thời điểm cụ thể; Phương thức thanh toán: chuyển khoản, thời hạn thanh toán bên B có trách nhiệm thanh toán 100% giá trị tiền hàng theo từng đợt cho bên A trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày bên A giao hàng của đợt thanh toán đó cho bên B; Lãi chậm thanh toán bằng 1,5%/tháng/tổng số nợ gốc còn phải thanh toán; Thời hạn chậm thanh toán (tính lãi suất) là không quá 30 ngày kể từ ngày cuối cùng của thời hạn thanh toán mà bên B có nghĩa vụ thanh toán tiền hàng cho bên A; Lãi suất phạt chậm thanh toán: nếu quá thời hạn 30 ngày tính lãi chậm trả nêu trên, bên B vẫn chưa thanh toán đúng và đủ tiền hàng, tiền lãi chậm thanh toán (nếu có) bên B phải chịu tiền lãi và lãi suất phạt chậm thanh toán bằng 0,1%/ngày/tổng số tiền nợ gốc, lãi chậm thanh toán và tiền phạt chậm thanh toán.

Theo biên bản đối chiếu xác nhận công nợ ngày 30/6/2017 và ngày 30/6/2018 thì Công ty P phải thanh toán tiền hàng cho Công ty T là 910.746.045 đồng; lãi chậm trả được tính theo hợp đồng đã ký; bên mua có trách nhiệm chuyển toàn bộ số tiền trên cho Công ty T vào tài khoản 00.11.000.11.66.88- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Viêt Nam- Sở giao dịch.

Ngày 25/9/2018, Công ty T có bảng kê chi tiết tiền hàng và tiền lãi chậm trả, xác nhận tiền hàng là 910.746.045 đồng; tiền lãi chậm trả 20.077.857 đồng; tiền lãi phạt chậm trả là 1.092.728.420 đồng; tổng cộng 2.023.552.322 đồng.

Công ty T đã nhiều lần thông báo yêu cầu Công ty P thanh toán tiền nợ nhưng Công ty P không thanh toán. Do đó, Công ty T khởi kiện yêu cầu Công ty P thanh toàn tiền còn nợ theo hợp đồng mua bán hàng hóa số 40.2015-SIMCO ngày 10/8/2015 tổng số tiền là 2.023.552.322 đồng.

Qúa trình giải quyết của Tòa án sơ thẩm, Tòa án thông báo, triệu tập đại diện bị đơn theo địa chỉ đăng ký kinh doanh tại số 61 ngõ 25 V , phường L , quận Đ , thành phố Hà Nội, nhưng qua xác minh thể hiện Công ty cổ phần P không còn hoạt động tại địa chỉ này. Đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 8 ngày 15/01/2019 thì người đại diện theo pháp luật công ty là Mai Xuân Đ , Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần P , chỗ ở và ĐKHKTT: P403-C10, tập thể N , phố V, phường L , quận Đ , thành phố Hà Nội nhưng vắng mặt, đã chuyển đi nơi khác nên tống đạt không thành.

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cung cấp lãi suất nợ quá hạn, cụ thể: mức trung bình lãi suất nợ quá hạn trung và dài hạn của 3 ngân hàng hiện nay là 11%/năm.

Công ty T trình bày tổng số tiền hàng thể hiện trong 03 hóa đơn GTGT là 2.010.746.045đồng, quá trình thực hiện hợp đồng bên mua đã thanh toán 03 lần, cụ thể: ngày 13/01/2016 đã trả 500.000.000 đồng và ngày 02/02/2016 trả 500.000.000 đồng qua chuyển khoản, còn lại lần 3 là ngày 17/8/2016 trả 100.000.000 đồng bằng tiền mặt nhưng chưa có tài liệu, chứng từ chứng minh. Công ty T yêu cầu Công ty

P thanh toán tiền hàng theo bản đối chiếu công nợ cuối cùng ngày 30/6/2018 là 910.746.045 đồng và rút một phần yêu cầu về tiền lãi; tính lãi chậm trả theo mức lãi suất 11%/năm là 435.535.850 đồng; tổng số tiền yêu cầu thanh toán là 1.346.281.895 đồng.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 49/2019/KDTM-ST ngày 09/10/2019 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa đã xử:

1- Chấp nhận nội dung khởi kiện của Công ty cổ phần T yêu cầu Công ty cổ phần P thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng mua bán hàng hóa.

2- Buộc Công ty cổ phần P trả tiền cho Công ty cổ phần T , cụ thể:

- Nợ gốc: 910.746.045 đồng;

- Lãi chậm trả tính đến ngày 09/10/2019: 114.754.000 đồng

Tổng cộng 1.025.500.046 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, nguyên đơn đã kháng cáo một phần bản án sơ thẩm với nội dung: đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận khoản tiền lãi chậm trả mà nguyên đơn yêu cầu.

Tại tòa án cấp phúc thẩm và phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và trình bày bổ sung như sau: Nguyên đơn nhất trí với bản án sơ thẩm về phần nợ gốc và mức lãi suất mà Tòa án sơ thẩm đã tuyên; nguyên đơn kháng cáo về phần tính lãi do Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định sai khoản tiền lãi chậm trả vì theo thỏa thuận tại Điều 3 (phương thức thanh toán) trong hợp đồng số 40 thì bị đơn có trách nhiệm thanh toán 100% giá trị tiền hàng theo từng đợt cho nguyên đơn trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nguyên đơn giao hàng của đợt thanh toán đó, nếu quá thời hạn mà chưa thanh toán thì phải chịu tiền lãi. Theo quy định trong hợp đồng thì từ ngày thứ 61 kể từ ngày giao hàng mà bị đơn không thanh toán cho nguyên đơn thì bị đơn phải chịu lãi chậm thanh toán, thỏa thuận này là hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật. Tại các biên bản đối chiếu công nợ cũng có nội dung: hai bên thống nhất số liệu trên là đúng, giá trị chậm trả được tính theo hợp đồng đã ký. Căn cứ theo mức lãi suất mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng, thời điểm bắt đầu tính lãi và số tiền nợ gốc, nguyên đơn đề nghị bị đơn thành toán tiền lãi chậm thanh toán là 441.574.221 đồng. Đề nghị HĐXX phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

- Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội sau khi phân tích nội dung vụ án đã đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đơn kháng cáo của nguyên đơn, sửa án sơ thẩm về thời điểm tính lãi chậm thanh toán. Về án phí, do sửa một phần án sơ thẩm nên nguyên đơn không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau phần hỏi và tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Đơn kháng cáo của nguyên đơn trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ.

- Về thẩm quyền giải quyết: tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa. Bị đơn là Công ty CP P , có trụ sở: số 61, ngõ 25 V , phường L , quận Đ , Hà Nội. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân quận Đống Đa thụ lý và giải quyết sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

- Bị đơn là Công ty CP P đã được Toà án tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[2]. Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Hợp đồng mua bán hàng hoá số 40.2015-SIMCO ngày 10/8/2015 giữa Công ty T với Công ty P ký kết với nhau hoàn toàn tự nguyện, không ai bị lừa dối, ép buộc. Các điều khoản thỏa thuận của hai bên trong hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó Hợp đồng mua bán hàng hóa số 40.2015-SIMCO ngày 10/8/2015 được hai bên xác nhận là hợp pháp và có hiệu lực pháp lý.

Hai bên có thỏa thuận về đơn giá của từng mặt hàng, phương thức thanh toán, thời hạn và lãi chậm thanh toán; tổng số tiền theo 03 hoá đơn GTGT là 2.023.552.322 đồng.

Qúa trình thực hiện hợp đồng, hai bên đã giao nhận hàng và thanh toán nhiều lần qua tài khoản bên bán, bên mua đã thanh toán 03 lần (02 lần bằng hình thức chuyển khoản và 01 lần chuyển tiền mặt) với tổng số tiền là 1.100.000.000 đồng.

Căn cứ vào biên bản giao nhận hàng, hóa đơn GTGT mua bán hàng hóa và xác nhận công nợ ngày 30/6/2018 giữa hai bên thì số tiền hàng Công ty P phải thanh toán cho Công ty T là 910.746.045 đồng. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với khoản tiền nợ gốc là có căn cứ nên được chấp nhận.

- Xét yêu cầu kháng cáo về lãi chậm trả của nguyên đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: trên cơ sở nợ gốc tiền hàng theo hóa đơn chưa thanh toán và theo thỏa thuận trong hợp đồng có tính lãi chậm trả, do đó yêu cầu của nguyên đơn tính lãi suất chậm trả đối với số tiền chậm thanh toán là có căn cứ. Tuy nhiên, theo hợp đồng các bên thỏa thuận mức lãi suất0,1%/ngày là cao hơn mức lãi suất trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán. Do vậy, Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ Điều 306 Luật thương mại và Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao áp dụng lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của liên ngân hàng là của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam là 11%/năm (0,03%/ngày) để tính

tiền lãi chậm thanh toán. Về thời điểm chậm thanh toán đối với số nợ gốc 910.746.045 đồng Tòa án sơ thẩm tính từ ngày 01/7/2018 (sau khi chốt công nợ giữa hai bên) đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 14 tháng 8 ngày (420 ngày) là không đúng thỏa thuận trong Hợp đồng mua bán hàng hóa. Yêu cầu của nguyên đơn là đúng pháp luật và các thỏa thuận trong hợp đồng. Do đó, cần sửa án sơ thẩm về phần lãi chậm thanh toán đến ngày xét xử sơ thẩm (09/10/2019) là 441.574.221 đồng.

Như vậy, bị đơn có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn tính đến ngày xét xử sơ thẩm (09/10/2019) gồm các khoản: Nợ gốc là 910.746.045 đồng; Nợ lãi chậm thanh toán là 441.574.221 đồng. Tổng cộng là 1.352.320.266 đồng.

Từ những phân tích, đánh giá trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm.

Kết luận của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên toà hôm nay chưa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nên được chấp nhận một phần.

[3]. Về án phí phúc thẩm: do kháng cáo được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 và điểm a khoản 5 Điều 314 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 điều 30, khoản 1 điều 35, điểm b khoản 1 điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 24, Điều 4, Điều 50, Điều 306 Luật Thương mại;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án;

Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 49/2019/KDTM-ST ngày 09/10/2019 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần T yêu cầu Công ty cổ phần P thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng mua bán hàng hóa số số 40.2015-SIMCO ngày 10/8/2015.

2. Buộc Công ty cổ phần P phải thanh toán cho Công ty cổ phần T số tiền tính đến ngày 09/10/2019 là:

- Nợ gốc là: 910.746.045 đồng;

- Nợ lãi là: 441.574.221 đồng;

Tổng cộng là: 1.352.320.266 đồng.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải

thi hành theo mức lãi suất cơ bản theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí kinh doanh thương mại:

Công ty cổ phần P phải chịu án phí sơ thẩm là 52.569.607 đồng.

Hoàn trả Công ty cổ phần T số tiền 36.000.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm và 2.000.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai số 08327 ngày 06/3/2019 và số 09456 ngày 06/11/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 20/3/2020.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hà Nội;
- TAND quận Đống Đa;
- Chi cục THADS quận Đống Đa;
- Đương sự;
- Lưu: VP,HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Hoàng Minh Thành